

BỘ TÀI CHÍNH

Số: 30/2013/TT-BTC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2013

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường
đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa theo Nghị quyết
số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ**

Căn cứ Luật thuế bảo vệ môi trường số 57/2010/QH12 ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Luật quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006 và các Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế bảo vệ môi trường và Nghị định số 69/2012/NĐ-CP ngày 14 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Nghị định số 67/2011/NĐ-CP ngày 08 tháng 8 năm 2011 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 07/01/2013 của Chính phủ về một số giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, hỗ trợ thị trường, giải quyết nợ xấu;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Chính sách Thuế;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sản xuất hoặc nhập khẩu (gọi tắt là người sản xuất hoặc người nhập khẩu) được hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đã nộp và tiền phạt chậm nộp nếu có (gọi tắt là hoàn lại tiền thuế), không truy nộp thuế nếu đã kê khai nhưng chưa nộp và tiền phạt chậm nộp nếu có (gọi tắt là không truy nộp thuế) từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến hết ngày 14 tháng 11 năm 2012 đối với túi ni lông làm bao bì đóng gói sẵn hàng hóa (sau đây gọi là bao bì để đóng gói sản phẩm), bao gồm:

1. Người nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm do người nhập khẩu đó sản xuất, gia công ra hoặc mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói.

2. Người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì bán trực tiếp cho tổ

chức, hộ gia đình, cá nhân khác (gọi tắt là người mua bao bì) để đóng gói sản phẩm do người mua bao bì sản xuất, gia công ra hoặc mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói.

Điều 2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường

1. Hồ sơ hoàn lại tiền thuế bảo vệ môi trường đối với trường hợp người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm thuộc đối tượng được hoàn lại tiền thuế theo quy định tại Điều 1 Thông tư này (đã kê khai và nộp một phần hoặc toàn bộ tiền thuế, tiền phạt chậm nộp):

a) Giấy đề nghị hoàn trả khoản thu ngân sách nhà nước theo mẫu số 01/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 28/2011/TT-BTC ngày 28 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính.

b) Tờ khai bổ sung hồ sơ khai thuế, tiền phạt chậm nộp theo mẫu số 01/KHBS ban hành kèm theo Thông tư này.

c) Chứng từ nộp thuế bảo vệ môi trường, tiền phạt chậm nộp.

d) Trường hợp người nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm do người nhập khẩu đó sản xuất, gia công ra hoặc mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói, ngoài giấy tờ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, phải có thêm:

- Hồ sơ hải quan theo quy định.

- Bản chính văn bản cam kết về việc nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm có chữ ký của đại diện theo pháp luật của người nhập khẩu bao bì và đóng dấu (nếu người nhập khẩu bao bì là pháp nhân), trong văn bản cam kết nêu rõ số lượng bao bì nhập khẩu, số lượng sản phẩm sản xuất, gia công ra hoặc mua về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói, số lượng sản phẩm cần đóng gói và số lượng bao bì sử dụng để đóng gói sản phẩm.

- Bản chụp Hợp đồng mua bán sản phẩm hoặc Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán sản phẩm hoặc Đơn hàng trong trường hợp không có Hợp đồng (trường hợp mua sản phẩm về để đóng gói) hoặc Bản chụp Hợp đồng đóng gói sản phẩm (trường hợp làm dịch vụ đóng gói) được ký trực tiếp giữa người nhập khẩu bao bì và tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bán sản phẩm hoặc có sản phẩm cần đóng gói.

Bao bì mà người nhập khẩu đã có văn bản cam kết về việc nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm nêu trên, nhưng không sử dụng để đóng gói sản phẩm mà đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho thì người nhập khẩu bao bì phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

e) Trường hợp người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì bán trực tiếp cho người mua bao bì để đóng gói sản phẩm do người mua bao bì sản xuất, gia công ra hoặc mua sản phẩm về đóng gói hoặc làm dịch vụ đóng gói, ngoài giấy tờ quy định tại điểm a, b, c nêu trên, phải có thêm:

- Hồ sơ hải quan theo quy định (nếu có).

- Bản chụp Hợp đồng mua bán bao bì hoặc Hợp đồng nguyên tắc về việc mua bán bao bì hoặc Đơn hàng trong trường hợp không có Hợp đồng được ký trực tiếp giữa người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì với người mua bao bì.

- Bản chính văn bản cam kết về việc mua bao bì để đóng gói sản phẩm có chữ ký của đại diện theo pháp luật của người mua bao bì và đóng dấu (nếu người mua bao bì là pháp nhân), trong văn bản cam kết nêu rõ số lượng sản phẩm sản xuất hoặc gia công ra đối với trường hợp người mua bao bì để đóng gói sản phẩm do mình sản xuất hoặc gia công ra; số lượng sản phẩm mua về để đóng gói đối với trường hợp người mua bao bì để đóng gói sản phẩm do mình mua về; số lượng sản phẩm nhận đóng gói đối với trường hợp người mua bao bì làm dịch vụ đóng gói; số lượng sản phẩm cần đóng gói và số lượng bao bì sử dụng để đóng gói sản phẩm.

- Bản chính Biên bản xác nhận của người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì về số lượng bao bì mà người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì đã bán cho người mua bao bì để đóng gói sản phẩm, trong đó nêu rõ số thuế bảo vệ môi trường mà người mua bao bì phải trả cho người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì.

- Bảng kê hoá đơn bán bao bì để đóng gói sản phẩm theo mẫu số 02/TBVMT ban hành kèm theo Thông tư này.

Bao bì mà người mua đã có văn bản cam kết về việc mua bao bì để đóng gói sản phẩm nêu trên, nhưng không sử dụng để đóng gói sản phẩm mà đã sử dụng để trao đổi, tiêu dùng nội bộ, tặng cho hoặc bán cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân khác thì người mua bao bì phải kê khai, nộp thuế bảo vệ môi trường với cơ quan thuế quản lý trực tiếp và bị xử lý theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

2. Hồ sơ khai bổ sung đối với trường hợp người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm thuộc đối tượng không truy nộp thuế theo quy định tại Điều 1 Thông tư này:

- a) Tờ khai bổ sung hồ sơ khai thuế, tiền phạt chậm nộp theo mẫu số 01/KHBS ban hành kèm theo Thông tư này.

- b) Các giấy tờ theo quy định tại điểm d, điểm e (không cần giấy tờ quy định tại điểm a, c) Khoản 1 Điều này.

3. Trình tự, thủ tục hoàn lại tiền thuế và không truy nộp thuế được thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Người sản xuất hoặc người nhập khẩu bao bì để đóng gói sản phẩm thuộc đối tượng được hoàn lại tiền thuế và không truy nộp thuế theo quy định tại Điều 1 Thông tư này:

a) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính trung thực, chính xác, đầy đủ của các nội dung kê khai, cam kết theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều 2 Thông tư này.

b) Hoàn tất hồ sơ và nộp trước ngày 30/6/2013 cho cơ quan thuế hoặc cơ quan hải quan nơi đã khai, nộp thuế.

c) Điều chỉnh số liệu trên sổ sách kế toán.

3. Cơ quan thuế, cơ quan hải quan:

a) Có trách nhiệm phổ biến, hướng dẫn việc hoàn lại tiền thuế và không truy nộp thuế theo quy định tại Thông tư này.

b) Kiểm tra tính đầy đủ, chính xác của hồ sơ hoàn lại tiền thuế và hồ sơ khai bổ sung đối với trường hợp không truy nộp thuế để thực hiện hoàn lại tiền thuế và không truy nộp thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế.

c) Điều chỉnh số liệu kế toán thuế.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được nghiên cứu, giải quyết./. 

Nơi nhận:

- Văn phòng TƯ Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Viện Kiểm sát NDTC; Toà án NDTC;
- Văn phòng BCĐ phòng chống tham nhũng;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan TW của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ, Website Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ CST (P4).

KT. BỘ TRƯỞNG
THU TRƯỞNG



Vũ Thị Mai

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc

Mẫu số: **01/KHBS**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 30/2013/TT-BTC ngày
18/3/2013 của Bộ Tài chính)

TỜ KHAI BỔ SUNG HỒ SƠ KHAI THUẾ, TIỀN PHẠT CHẬM NỘP

(Điều chỉnh các thông tin đã khai tại Tờ khai thuế bảo vệ môi trường,
tiền phạt chậm nộp từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 14/11/2012)

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[03] Địa chỉ:

[04] Quận/huyện: [05] Tỉnh/thành phố:

[06] Điện thoại: [07] Fax: [08] Email:

[09] Tên đại lý thuế (nếu có):.....

[10] Mã số thuế:

--	--	--	--	--	--	--	--	--	--

--	--	--

[11] Địa chỉ:

[12] Quận/huyện: [13] Tỉnh/thành phố:

[14] Điện thoại: [15] Fax: [16] Email:

[17] Hợp đồng đại lý thuế số.....ngày.....

A. Nội dung điều chỉnh về thuế bảo vệ môi trường đã kê khai:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Tờ khai thuế hoặc Tờ khai hải quan (tổng hợp theo từng kỳ tính thuế hoặc theo từng tờ khai hải quan)	Số thuế đã kê khai	Số thuế điều chỉnh giảm	Số thuế sau khi điều chỉnh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tháng 1/2012			
2	Tháng 2/2012			
3				
				
				
	Tổng cộng			

B. Nội dung điều chỉnh về tiền phạt chậm nộp*:

1. Số tiền phạt chậm nộp phải nộp:

2. Số tiền phạt chậm nộp đã nộp:

3. Số tiền phạt chậm nộp còn nợ:

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

Ngàythángnăm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

* Chi kê khai tiền phạt chậm nộp về số thuế bảo vệ môi trường đối với bao bì để đóng gói sản phẩm.

Mẫu số: **02/TBVMT**
(Ban hành kèm theo Thông tư
số 30/2013/TT-BTC ngày
18/3/2013 của Bộ Tài chính)

BẢNG KÊ HOÁ ĐƠN BÁN BAO BÌ ĐỂ ĐÓNG GÓI SẢN PHẨM:

Dùng cho người sản xuất bao bì và người nhập khẩu bao bì

(Từ ngày 01/01/2012 đến hết ngày 14/11/2012)

[01] Tên người nộp thuế:.....

[02] Mã số thuế: _____

[03] Tên đại lý thuốc (nếu có):.....

[04] Mã số thuế:

Đơn vị tiên: Đồng Việt Nam

[illegible]

III										
...										
	Tổng cộng									

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:.....

Chứng chỉ hành nghề số:.....

....., ngày tháng năm

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có)

* *Chỉ kê các hóa đơn bán bao bì để đóng gói sản phẩm.*

** *Hoá đơn bán ra là hoá đơn có thuế BVMT và đã kê khai trên tờ khai thuế BVMT mẫu số 01/TBVMT ban hành kèm theo Thông tư số 152/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011 của Bộ Tài chính.*